

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm mạnh ngay từ khi mở cửa phiên sáng và đóng cửa cuối ngày ở mốc 1,718.98 điểm, giảm hơn 28 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản giảm mạnh nhất hơn 5%. Sau chuỗi ngày tăng điểm, nhóm cổ phiếu Vin đã trải qua phiên điều chỉnh mạnh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Dù phiên giảm điểm hôm nay có thanh khoản thấp, tuy nhiên không thể bỏ qua khả năng VN-Index sẽ tiếp tục giảm xuống vùng 1,700 – 1,710. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 10/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-28.19** điểm, đóng cửa tại **1718.98** điểm. HNX-Index **-0.66** điểm, đóng cửa tại **256.48** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MBB (+0.91)**, **HDB (+0.63)**, **CTG (+0.54)**, **VPB (+0.49)**, **HPG (+0.48)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-9.99)**, **VHM (-3.91)**, **VPL (-2.97)**, **GEE (-1.26)**, **VRE (-1.05)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,213** tỷ đồng, giảm **-41.26%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,956 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 34.38 điểm. Thị trường có **121** mã tăng, 62 mã tham chiếu, **188** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-366.88** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-307.38 tỷ)**, **STB (-159.78 tỷ)**, **VCB (-86.46 tỷ)**, **VHM (-74.14 tỷ)**, **MSN (-63.77 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **9.60** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.03%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+2.06%) [\(Link báo cáo\)](#)
MBB (+1.82%) [\(Link báo cáo\)](#)
SSI (+1.74%)
- BSC50 **-0.74%**. Các mã diễn biến tích cực:
FTS (+4.38%)
POW (+2.64%) [\(Link báo cáo\)](#)
REE (+0.96%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.03%	-0.74%	-1.61%	-1.32%
1 tuần	-2.59%	-1.86%	-0.74%	-1.27%
1 tháng	2.85%	1.79%	8.76%	7.91%
3 tháng	-4.94%	-6.44%	3.69%	4.95%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,718.98	256.48	119.11
% 1D	-1.61%	-0.26%	-0.48%
GTKL (tỷ VND)	15,213	712	357
%1D	-41.26%	-52.47%	-34.82%
GDNN (tỷ VND)	-366.88	9.60	-4.95

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	241.25	VIC	-307.38
HPG	152.10	STB	-159.78
VJC	77.43	VCB	-86.46
VNM	64.88	VHM	-74.14
TCB	28.03	MSN	-63.77

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,841	-0.09%	0.16%
FTSE100	9,639	-0.03%	-0.55%
Eurostoxx	5,702	-0.39%	0.07%
Shanghai	3,901	-0.23%	0.58%
Nikkei	50,603	-0.10%	1.47%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

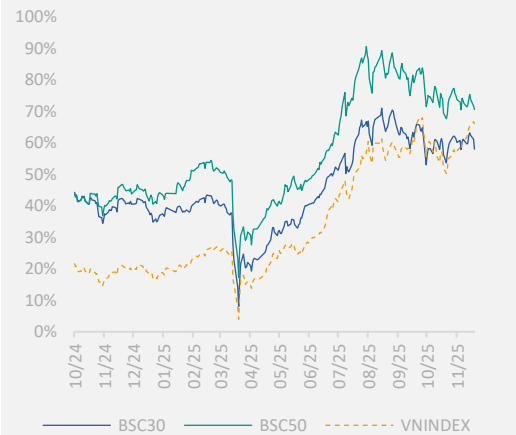
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.95	-0.27%
Giá vàng	4,201	-0.89%

Tỷ giá		
USD/VND	26,412	
EUR/VND	31,448	-0.07%
JPY/VND	172	-0.58%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.00%
LS LNH 1M	6.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

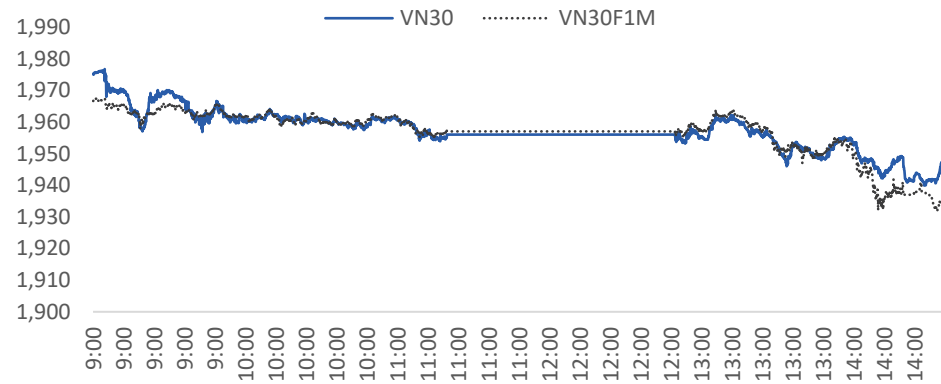
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1932.00	-1.57%	1,242	26.6%	15/01/2026	36
41I1G6000	1930.00	-1.39%	60	71.4%	18/06/2026	190
VN30F2512	1935.00	-1.78%	271,335	-14.6%	18/12/2025	8
41I1G3000	1929.00	-1.88%	111	46.05%	19/03/2026	99

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -26.04 điểm, đóng cửa tại 1946.98 điểm. Biên độ dao động 33.40 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, FPT, VRE, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán khiến VN30 giao dịch dưới tham chiếu trong phần lớn thời gian trong phiên. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong bối cảnh hợp đồng short đang chiếm ưu thế.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTCB2515	25/12/2025	15	27,000	36.59%	44.81	250	316.7%	0.00	46.03	33.70	33.70
CSSB2508	4/05/2026	145	1,800	36.77%	21.67	550	66.7%	0.05	23.87	17.45	17.45
CVRE2513	15/12/2025	5	3,475,400	3.20%	30.00	480	20.0%	0.27	30.96	30.00	30.00
CSSB2504	23/02/2026	75	14,800	40.99%	23.12	370	19.4%	0.00	24.60	17.45	17.45
CTPB2505	3/03/2026	83	6,900	24.30%	14.94	1,590	16.9%	0.63	21.01	16.90	16.90
CVIB2511	24/02/2026	76	22,200	21.76%	21.00	580	16.0%	0.14	22.16	18.20	18.20
CTPB2507	24/02/2026	76	3,100	29.16%	20.97	450	12.5%	0.07	21.83	16.90	16.90
CVIB2510	3/03/2026	83	100	17.20%	19.22	600	9.1%	0.22	21.33	18.20	18.20
CMBB2515	23/03/2026	103	56,000	3.78%	20.25	2,600	8.8%	2.36	26.10	25.15	25.15
CMBB2510	13/04/2026	124	1,100	3.66%	18.38	5,130	8.7%	4.75	26.07	25.15	25.15
CMBB2509	12/01/2026	33	75,000	1.63%	18.38	4,790	7.4%	4.57	25.56	25.15	25.15
CMBB2507	5/02/2026	57	300	2.29%	18.00	5,150	7.3%	4.86	25.73	25.15	25.15
CFPT2520	23/07/2026	225	2,700	9.68%	96.10	590	7.3%	0.63	104.86	95.60	95.60
CMBB2516	23/06/2026	195	15,900	5.33%	19.88	4,410	6.8%	4.06	26.49	25.15	25.15
CMBB2518	23/02/2026	75	454,200	1.75%	21.75	2,560	6.7%	2.56	25.59	25.15	25.15
CLPB2505	5/01/2026	26	100	23.64%	36.69	4,490	6.7%	1.92	54.65	44.20	44.20
CMBB2504	26/03/2026	106	15,200	2.66%	17.59	6,310	6.6%	6.00	25.82	25.15	25.15
CHPG2505	26/03/2026	106	19,200	7.24%	24.98	2,160	5.9%	1.83	28.58	26.65	26.65
CMBB2522	16/10/2026	310	38,100	33.76%	29.00	1,160	5.5%	0.47	33.64	25.15	25.15
CSTB2530	25/06/2026	197	100	42.80%	67.80	800	5.3%	0.56	69.40	48.60	48.60

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 10/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CTCB2515 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 316.67%. CMWG2513 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.32%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVRE2525, CVHM2524, CFPT2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	26.65	0.95%	1.75
MBB	25.15	1.82%	1.33
HDB	32.15	2.06%	1.25
VPB	29.00	0.87%	0.87
VNM	63.10	0.96%	0.83

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	148.80	-7.00%	-10.36
VHM	103.50	-3.72%	-3.50
FPT	95.60	-1.34%	-3.02
VRE	30.00	-6.25%	-2.80
MWG	83.00	-1.19%	-1.80

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	25.15	1.82%	0.91	8.05
HDB	32.15	2.06%	0.63	3.86
CTG	50.50	0.80%	0.54	5.37
VPB	29.00	0.87%	0.49	7.93
HPG	26.65	0.95%	0.48	7.68

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTI	39.00	9.55%	0.26	0.12
PVS	31.40	1.29%	0.11	0.48
BAB	12.40	0.81%	0.06	0.96
SHS	21.30	0.47%	0.05	0.90
PMC	177.00	4.67%	0.05	0.01

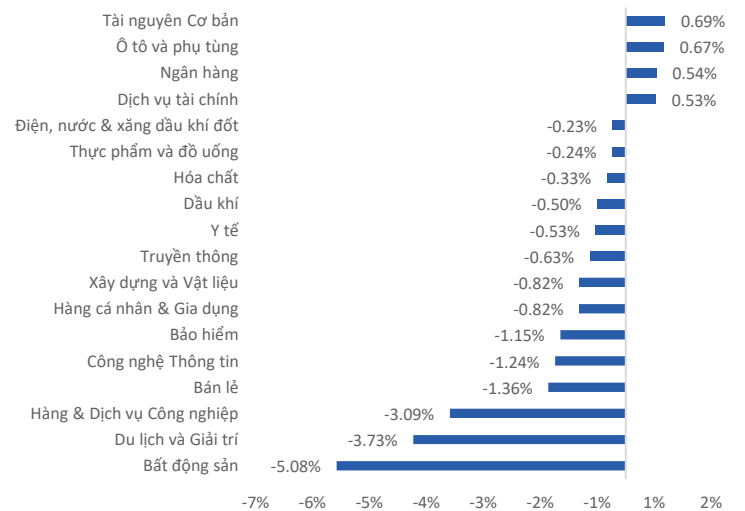
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
AGR	16.05	7.00%	0.06	1.54
QCG	15.40	6.94%	0.07	1.59
STG	33.90	6.94%	0.05	0.00
HAR	4.68	6.85%	0.01	2.39
TTF	3.96	6.74%	0.02	14.92

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTC	32.60	9.76%	0.21	0.00
PTX	22.60	9.71%	0.06	0.01
PTI	39.00	9.55%	1.77	0.00
SSM	5.00	8.70%	0.01	0.00
GMA	41.00	7.89%	0.26	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	148.80	-7.00%	-9.99	3.88
VHM	103.50	-3.72%	-3.91	4.11
VPL	95.80	-6.99%	-2.97	1.79
GEE	204.10	-6.80%	-1.26	0.37
VRE	30.00	-6.25%	-1.05	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	110.50	-4.74%	-0.61	0.20
PVI	94.80	-3.07%	-0.40	0.23
KSF	74.00	-0.67%	-0.26	0.90
CEO	24.20	-2.02%	-0.16	0.57
HUT	16.20	-1.22%	-0.12	1.07

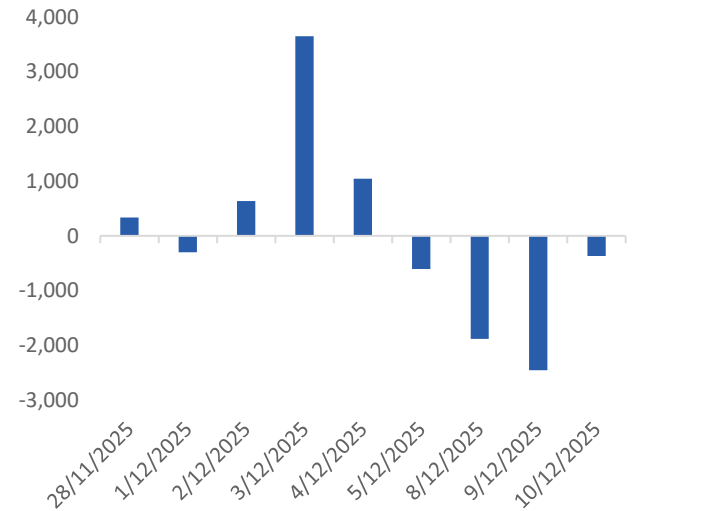
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	148.80	-7.00%	-18.33	15.29
ICT	20.60	-7.00%	-0.01	0.10
VPL	95.80	-6.99%	-2.74	2.48
HII	7.99	-6.98%	-0.01	0.84
TNI	5.48	-6.96%	0.00	0.36

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NBW	32.90	-9.86%	-0.14	0.00
HKT	11.10	-9.76%	-0.14	0.03
LBE	28.90	-9.69%	-0.02	0.00
VTC	24.30	-9.67%	-0.04	0.01
SJ1	13.30	-9.52%	-0.22	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	83.0	-1.2%	1.3	124,190	523.3	3,955	21.2	100,800	46.4%	Link
KBC	Bất động sản	33.2	-0.8%	1.2	31,502	144.9	1,872	17.9	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	32.5	-2.4%	1.4	37,370	207.7	857	38.8	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	21.4	-2.1%	1.6	21,409	178.2	211	103.6	28,200	8.7%	Link
VHM	Bất động sản	103.5	-3.7%	1.0	441,547	824.8	6,133	17.5	119,600	8.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	95.6	-1.3%	0.6	165,070	386.1	5,280	18.4	118,700	39.0%	Link
BSR	Dầu khí	14.4	-0.4%	0.0	72,355	50.7	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	31.4	1.3%	1.6	15,854	55.6	2,841	10.9	42,800	13.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.1	0.7%	1.4	24,731	198.3	1,378	16.6		34.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	29.3	1.7%	1.3	71,619	402.1	1,880	15.3		32.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.3	0.6%	1.3	24,641	171.5	1,589	21.5		14.7%	
DCM	Hóa chất	33.4	0.0%	1.3	17,655	15.5	3,578	9.3	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	95.0	0.1%	1.4	36,041	128.1	8,296	11.4	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.1	0.0%	0.9	123,793	132.1	3,385	7.1	28,400	28.8%	Link
BID	Ngân hàng	37.7	0.7%	1.0	262,950	71.9	3,781	9.9	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	50.5	0.8%	1.2	269,037	274.6	6,208	8.1	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	32.2	2.1%	1.2	121,572	827.5	3,648	8.6	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	25.2	1.8%	1.1	198,958	677.9	3,017	8.2	29,300	21.0%	Link
MSB	Ngân hàng	12.8	0.0%	1.1	39,936	176.1	1,729	7.4	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	48.6	0.1%	1.0	91,527	296.2	6,519	7.5		14.8%	
TCB	Ngân hàng	33.7	-0.3%	1.0	239,515	267.2	3,112	10.9	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.9	0.0%	1.1	46,881	54.2	2,358	7.2	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	58.2	0.3%	0.9	484,629	400.3	4,202	13.8	73,200	21.3%	Link
VIB	Ngân hàng	18.2	0.3%	0.9	61,783	81.3	2,225	8.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.0	0.9%	1.1	228,100	367.7	2,603	11.1	35,650	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.7	1.0%	1.2	202,632	918.4	1,876	14.1	33,170	19.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	-0.3%	1.2	10,246	29.4	1,178	14.0	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.8	-1.8%	1.3	10,507	86.9	4,150	6.6	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.0	0.0%	1.2	111,335	317.2	2,196	35.1	98,300	22.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.1	1.0%	0.8	130,622	222.6	4,160	15.0	64,500	50.4%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.7	0.36%	1.3	9,179	27.3	2,411	17.2	23.0%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	149.6	-3.17%	0.9	26,312	98.2	3,620	42.7	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.3	-1.27%	1.2	40,828	29.9	3,578	15.4	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	19.4	-2.02%	1.4	15,769	117.0	508	39.0	3.9%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.1	0.00%	1.5	18,391	139.1	401	45.0	19.5%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	25.0	-1.19%	1.3	5,054	40.4	3,057	8.3	3.0%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.4	-1.46%	1.6	11,413	26.3	938	32.9	20.8%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.1	-0.54%	1.4	14,155	28.0	4,849	7.7	11.2%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	34.9	-1.13%	1.3	17,103	41.2	2,141	16.5	45.1%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	53.4	-0.19%	1.1	12,953	38.4	5,474	9.8	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.3	0.00%	1.1	5,454	5.1	1,763	17.2	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.0	-0.50%	1.4	18,333	34.3	801	25.1	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	148.8	-7.00%	0.9	1,232,965	2342.6	1,147	139.5	3.7%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	30.0	-6.25%	1.0	72,714	410.6	2,144	14.9	13.6%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.6	0.14%	1.3	7,729	4.8	1,833	19.9	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.6	-1.14%	0.9	44,471	37.4	2,090	16.7	14.8%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.7	0.82%	1.2	13,591	178.4	1,602	15.3	8.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.4	4.38%	1.3	11,071	49.2	1,262	25.3	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.9	-0.36%	1.7	18,444	52.5	1,672	16.8	4.6%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.5	-0.78%	1.0	154,429	28.4	5,014	12.8	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.3	2.64%	1.2	33,957	228.3	812	17.9	4.2%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.3	0.96%	0.8	33,962	27.6	4,776	13.1	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	196.6	-1.70%	1.0	118,322	626.7	2,897	69.1	7.1%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	41.5	-3.26%	1.5	38,713	650.2	2,313	18.6	7.6%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.0	-0.85%	1.2	24,950	79.3	3,500	16.7	43.0%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.3	-0.50%	1.1	10,064	173.1	6,185	9.6	6.8%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.1	-0.28%	1.2	8,506	35.3	2,090	8.7	9.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	96.7	-0.10%	0.0	11,789	16.7	3,139	30.8	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.1	-0.45%	1.2	30,192	35.4	6,916	12.8	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.2	-1.09%	1.0	3,081	27.0	2,535	10.9	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.5	0.00%	1.4	2,382	4.6	2,867	6.5	17.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.7	-0.22%	1.1	15,434	53.6	1,212	18.7	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.8	-0.56%	1.3	107,600	29.5	1,569	17.1	0.5%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.5	-0.44%	1.3	42,004	539.2	1,635	13.8	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	44.2	0.45%	0.5	131,440	66.7	3,469	12.7	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	0.35%	0.0	24,449	31.7	2,337	6.1	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.3	0.00%	0.9	32,622	15.1	1,460	8.4	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.6	-0.32%	1.3	7,004	34.3	571	27.4	4.8%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.0	-0.18%	1.4	7,455	22.6	2,829	9.9	4.0%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.6	-0.57%	0.6	10,580	53.0	1,715	20.3	3.1%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	51.5	-3.38%	0.6	68,361	133.8	3,373	15.8	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.6	0.72%	1.1	12,390	22.1	6,944	8.0	19.5%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	158.6	0.95%	0.5	12,860	12.2	14,639	10.7	85.0%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.0	-1.29%	1.3	8,632	30.7	6,560	13.0	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.0	-1.06%	1.2	9,711	14.6	5,128	16.6	4.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.0	-1.26%	1.4	4,385	8.5	3,037	14.3	5.7%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.4	-2.70%	1.3	7,362	55.9	1,106	13.4	9.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.7	-0.46%	1.1	8,966	44.2	1,377	15.8	12.0%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.3	-0.82%	1.2	15,806	86.7	6,148	4.0	4.7%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	42.6	-0.47%	1.4	19,167	20.1	3,090	13.8	2.7%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>